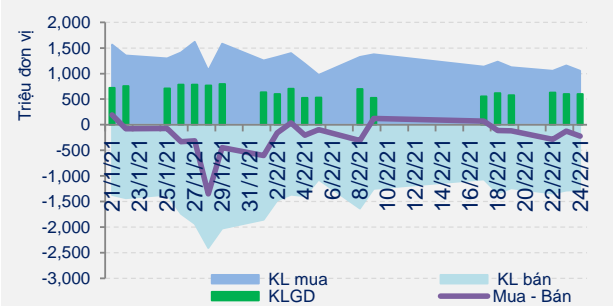
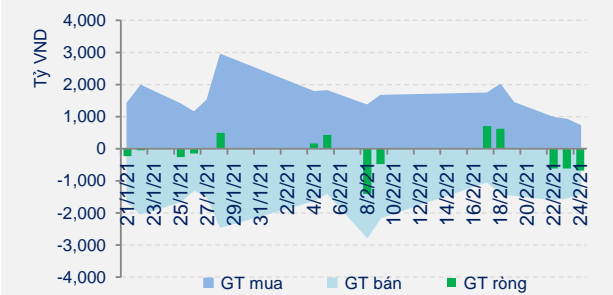


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 24/2/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,162.01	237.89
% Thay đổi	↓ -1.33%	↓ -0.37%
KLGD (CP)	602,996,255	156,902,837
GTGD (tỷ đồng)	15,017.06	2,454.38
Tổng cung (CP)	1,274,734,600	222,466,200
Tổng cầu (CP)	1,052,957,400	205,692,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	37,888,430	1,846,441
KL mua (CP)	18,151,930	1,578,910
GTmua (tỷ đồng)	715.94	30.75
GT bán (tỷ đồng)	1,398.03	34.67
GT ròng (tỷ đồng)	(682.10)	(3.92)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.25%	16.5	2.8	2.5%
Công nghiệp	↓ -0.51%	17.7	2.6	10.4%
Dầu khí	↓ -0.15%	-	2.0	5.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.05%	-	4.8	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.71%	14.7	2.4	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.98%	18.3	4.5	8.5%
Ngân hàng	↓ -1.45%	11.2	2.3	25.5%
Nguyên vật liệu	↓ -1.05%	15.9	2.2	14.6%
Tài chính	↓ -1.64%	19.6	3.3	28.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.17%	15.5	2.5	2.0%
VN - Index	↓ -1.33%	18.1	3.0	
HNX - Index	↓ -0.37%	15.9	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm mạnh trở lại trong phiên hôm nay. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 15,63 điểm (-1,33%) xuống 1.162,01 điểm; HNX-Index giảm 0,89 điểm (-0,37%) xuống 237,89 điểm. Thanh khoản trên hai sàn xấp xỉ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 17.471 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 760 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.041 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 208 mã tăng, 103 mã tham chiếu, 478 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong phiên sáng nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng mạnh khiến các chỉ số đồng loạt giảm xuống sắc đỏ. Kết phiên, rõ VN30 có 26 mã giảm và 4 mã tăng giá. Dẫn đầu sắc đỏ là TCH (-3,3%) với đà giảm hơn 3%, VHM (-2,4%), STB (-2,4%), BID (-2,2%), VRE (-2%), VPB (-2%) và TPB (-2%) là những mã giảm từ 2% trở lên. CTG (+1,2%), REE (+1,1%), PLX (+0,9%) và HPG (+0,7%) là bốn mã vẫn duy trì sắc xanh khi kết phiên. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng cũng có phiên giao dịch tiêu cực khi đa số các mã đều giảm như OCB (-2,6%), LPB (-2,1%) kết phiên với sắc đỏ hơn 2%, VCB (-1,9%), HDB (-1,9%), TCB (-1,8%), SHB (-1,8%), ACB (-1,6%), BVB (-1,6%), MBB (-1,5%) và NAB (-1,4%) cùng giảm hơn 1%. Chỉ có CTG (+1,2%) và VIB (+0,5%) duy trì được sắc xanh nhẹ. Đồng pha với thị trường chung, nhóm cổ phiếu dầu khí cũng sụt mạnh. PVS (-3,5%), PVD (-3,4%), BSR (-3,2%) và PVB (-3,1%) là những mã giảm hơn 3%, OIL (-2,5%) sụt trên 2%, POW (-1,6%) và GAS (-1,5%) giảm hơn 1%. PLX (+0,9%) là mã tăng duy nhất của nhóm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Cuối cùng thì thị trường cũng phải giảm mạnh sau khi lực cầu không đủ sức kéo chỉ số bật tăng trong hai phiên đầu tuần. Xu hướng trung hạn vẫn là tích cực do thuộc sóng tăng 5. Nhưng về ngắn hạn, rủi ro thị trường tiếp tục điều chỉnh là hiện hữu do chỉ số chưa hạ độ cao về các ngưỡng hỗ trợ quan trọng. Tuy nhiên, khả năng hồi phục trở lại cũng có thể xảy như sau các phiên giảm mạnh trước đó. Nhà đầu tư với tầm nhìn trung hạn có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng 5 sẽ tiếp tục trong thời gian tới với target quanh ngưỡng 1.250 điểm đạt được vào khoảng đầu tháng 4/2021. Nhà đầu tư ngắn hạn đã bắt đáy và chốt lời trước Tết, có thể quay trở lại thị trường nếu có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ mạnh trong khoảng 1.120-1.125 điểm (MA20-50) hoặc chờ đợi thị trường bút phá khỏi ngưỡng 1.200 điểm sau một thời gian tích lũy quanh vùng đỉnh.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **24/2/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.185,58 điểm. Nhưng từ phiên chiều, áp lực bán gia tăng mạnh khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu và đà giảm mạnh dần sau đó, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.154,36 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 15,63 điểm (-1,33%) xuống 1.162,01 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 2.500 đồng, VCB giảm 1.900 đồng, VIC giảm 1.800 đồng. Ở chiều ngược lại, CTG tăng 450 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 240,544 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng trong phiên chiều kéo chỉ số xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 233,572 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,89 điểm (-0,37%) xuống 237,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 300 đồng, PVS giảm 800 đồng, IDC giảm 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS tăng 600 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 684,62 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 19,7 triệu cổ phiếu. VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 126,8 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 76,2 tỷ đồng tương ứng với 739 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FUEVFNVD là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 19,1 tỷ đồng tương ứng với 970 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 4,06 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 268 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 25 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là IDJ với 1,3 tỷ đồng tương ứng với 80 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 14,4 tỷ đồng tương ứng với 537 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Quý 1, GDP có thể đạt thấp hơn mục tiêu trong nghị quyết của Chính phủ

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nếu trường hợp dịch COVID-19 được khống chế kịp thời trong quý 1, ước tính GDP quý này tăng 4,46%, thấp hơn 0,66 điểm phần trăm so với mục tiêu trong Nghị quyết 01.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu bắt đáy trong phiên hôm nay là không thực sự tốt nên áp lực bán gia tăng đã hoàn toàn chiếm ưu thế, nhất là trong phiên chiều.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với việc sóng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vi sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì thị trường vẫn có khả năng sẽ vượt đỉnh lịch sử trong năm 2021 với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm.

Hiện tại đang là sóng tăng 5 nên khả năng hồi phục trở lại trong phiên tiếp theo được đánh giá cao hơn, với thời gian kết thúc sóng bằng với thời gian của sóng 1 trước đó, tức là khoảng 2,5 tháng nên target quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được vào khoảng đầu tháng 4/2021. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, thị trường có thể vẫn tiềm ẩn rủi ro tiếp tục điều chỉnh do chưa hạ độ cao về các ngưỡng hỗ trợ quan trọng. Nhưng khả năng hồi phục trở lại cũng có thể xảy ra như sau các phiên giảm mạnh trước đó.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.125 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.120 điểm (MA50). Vùng hợp lưu của hai ngưỡng hỗ trợ này sẽ là điểm mua mới tiềm năng cho các vị thế ngắn hạn trong trường hợp thị trường tiếp tục giảm.



TIN TRONG NƯỚC

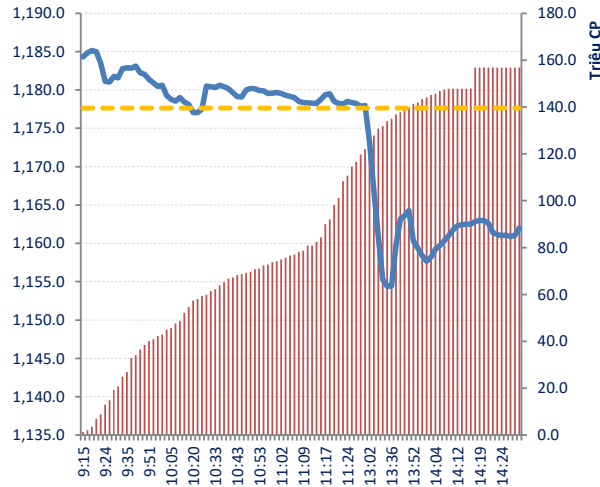
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56 - 56,5 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 8 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 24/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.132 VND/USD, giảm 8 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

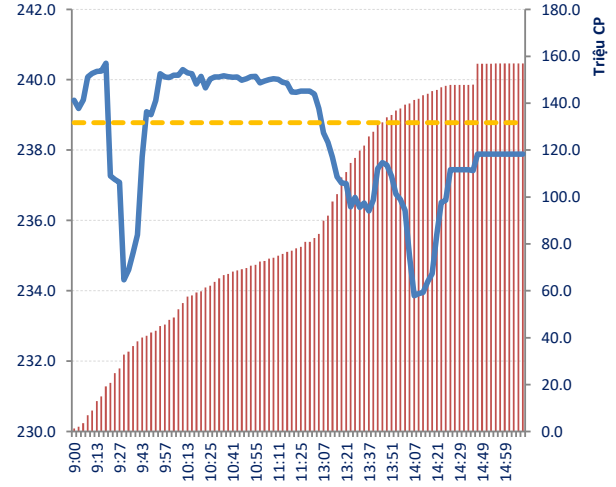
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,3 USD/ounce tương ứng với 0,02% xuống 1.805,6 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,117 điểm tương ứng 0,13% xuống 90,047 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,2167 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,4172 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 105,68 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,24 USD/thùng tương ứng với 0,39% xuống 61,44 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/2, chỉ số Dow Jones tăng 15,66 điểm tương ứng 0,05% lên 31.537,35 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 67,85 điểm tương ứng 0,5% xuống 13.465,2 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 4,87 điểm tương ứng 0,13% lên 3.881,37 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

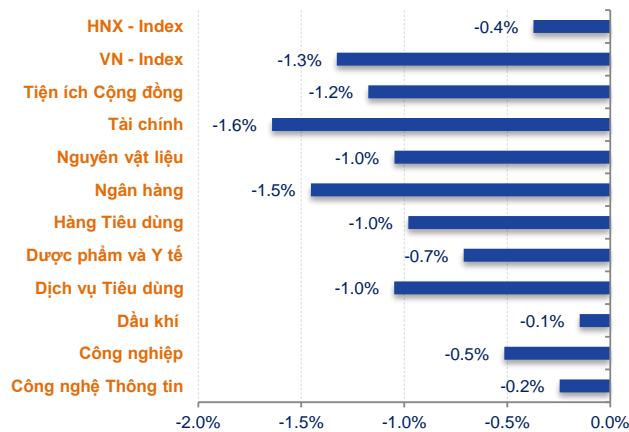
KLGD và VN-Index trong phiên



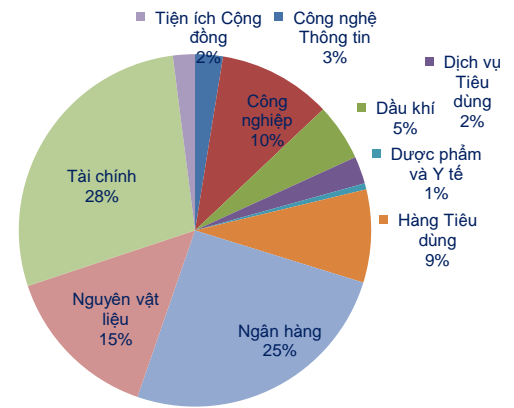
KLGD và HNX-Index trong phiên



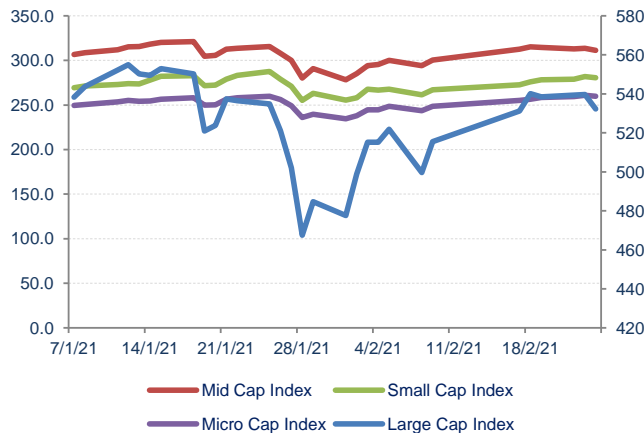
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



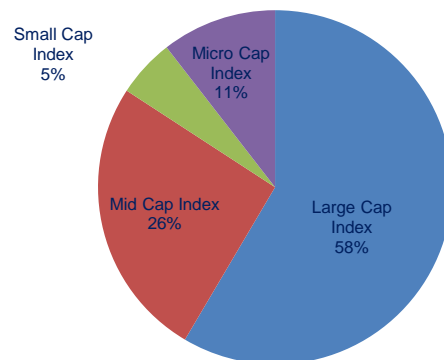
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	970,300	SSI	1,640,600
2	MBB	568,900	GEX	1,562,400
3	HPG	413,200	VRE	1,561,300
4	PVT	366,300	VNM	1,189,400
5	GMD	303,500	PVD	968,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NVB	650,700	PVS	1,135,700
2	SHS	537,300	HHG	96,700
3	VIG	138,300	IDJ	80,000
4	VCS	17,100	ACM	60,000
5	SZB	11,100	BCC	50,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	43.30	43.60	↑ 0.69%	27,492,600
STB	18.80	18.35	↓ -2.39%	24,836,800
MBB	27.40	27.00	↓ -1.46%	21,238,900
ACB	31.70	31.20	↓ -1.58%	18,716,950
ROS	3.54	3.47	↓ -1.98%	16,038,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	16.30	16.00	↓ -1.84%	27,053,131
HUT	4.50	4.90	↑ 8.89%	18,021,311
PVS	22.60	21.80	↓ -3.54%	15,196,191
SHS	26.10	26.70	↑ 2.30%	13,337,945
ART	5.00	5.10	↑ 2.00%	7,541,255

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RIC	28.85	30.85	2.00	↑ 6.93%
SAV	22.40	23.95	1.55	↑ 6.92%
NVT	6.94	7.42	0.48	↑ 6.92%
LGC	79.50	85.00	5.50	↑ 6.92%
TDC	17.40	18.60	1.20	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BNA	35.00	38.50	3.50	↑ 10.00%
MHL	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
VDL	22.20	24.40	2.20	↑ 9.91%
SEB	45.50	50.00	4.50	↑ 9.89%
CLM	18.20	20.00	1.80	↑ 9.89%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CIG	3.80	3.54	-0.26	↓ -6.84%
SVI	89.00	83.00	-6.00	↓ -6.74%
PTC	9.80	9.15	-0.65	↓ -6.63%
SMA	8.89	8.31	-0.58	↓ -6.52%
VID	10.80	10.10	-0.70	↓ -6.48%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DVG	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
HLY	49.50	44.60	-4.90	↓ -9.90%
PPY	16.30	14.70	-1.60	↓ -9.82%
KSD	5.20	4.70	-0.50	↓ -9.62%
LM7	4.20	3.80	-0.40	↓ -9.52%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	27,492,600	25.1%	4,056	10.7	2.4
STB	24,836,800	3250.0%	1,487	12.6	1.2
MBB	21,238,900	18.4%	2,987	9.2	1.5
ACB	18,716,950	24.3%	3,557	8.9	1.9
ROS	16,038,200	0.0%	4	991.1	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	27,053,131	12.7%	1,620	10.1	1.2
HUT	18,021,311	-7.6%	(875)	-	0.4
PVS	15,196,191	5.0%	1,357	16.7	0.8
SHS	13,337,945	25.5%	3,639	7.2	1.7
ART	7,541,255	0.1%	16	308.9	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RIC	↑ 6.9%	-9.7%	(1,159)	-	2.5
SAV	↑ 6.9%	16.6%	3,408	6.6	1.0
NVT	↑ 6.9%	1.4%	61	114.2	1.6
LGC	↑ 6.9%	8.3%	1,808	44.0	3.4
TDC	↑ 6.9%	14.9%	1,883	9.2	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BNA	↑ 10.0%	23.9%	4,192	8.3	1.8
MHL	↑ 10.0%	2.2%	252	15.9	0.3
VDL	↑ 9.9%	6.0%	806	27.5	1.6
SEB	↑ 9.9%	23.4%	3,714	12.3	2.9
CLM	↑ 9.9%	25.9%	4,299	4.2	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	970,300	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	568,900	18.4%	2,987	9.2	1.5
HPG	413,200	25.1%	4,056	10.7	2.4
PVT	366,300	10.3%	1,895	9.3	0.9
GMD	303,500	5.6%	1,231	26.8	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	650,700	0.0%	3	4,900.4	1.4
SHS	537,300	25.5%	3,639	7.2	1.7
VIG	138,300	-2.0%	(113)	-	0.8
VCS	17,100	39.1%	9,094	9.2	3.5
SZB	11,100	20.6%	3,764	9.2	1.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	372,067	4.0%	1,488	73.9	2.7
VCB	370,888	20.5%	4,974	20.1	3.8
VHM	346,386	36.1%	8,463	12.4	3.9
VNM	223,625	35.0%	5,313	20.1	6.6
BID	176,969	9.1%	1,775	24.8	2.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	62,300	61.7%	11,109	16.0	11.7
SHB	28,612	12.7%	1,620	10.1	1.2
VCS	13,328	39.1%	9,094	9.2	3.5
IDC	12,060	7.0%	1,005	40.0	2.8
PVS	10,802	5.0%	1,357	16.7	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KPF	3.17	9.8%	1,042	10.6	1.0
DRH	2.85	5.8%	792	13.8	0.8
PXS	2.71	0.8%	45	159.4	1.3
EVG	2.47	3.0%	333	28.2	0.8
HRC	2.39	1.7%	297	200.5	3.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	3.65	0.0%	5	1,012.3	0.4
THD	2.93	61.7%	11,109	16.0	11.7
NGC	2.67	-2624.4%	(7,179)	-	-
ACM	2.60	0.0%	2	680.7	0.2
WSS	2.52	2.0%	206	23.3	0.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
